

Ảnh - photo  
4x6 cm  
See notes  
(2)

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP THỊ THỰC VIỆT NAM (1)**  
**VIETNAMESE VISA APPLICATION FORM**  
(Dùng cho người nước ngoài – For foreigners)

- 1- Họ tên (chữ in hoa):.....  
*Full name (in capital letters)*
- 2- Giới tính: Nam  Nữ   
*Sex Male Female*
- 3- Sinh ngày.....tháng.....năm.....  
*Date of birth (Day, Month, Year)*
- 4- Nơi sinh:.....  
*Place of birth*
- 5- Quốc tịch gốc: .....6- Quốc tịch hiện nay:.....  
*Nationality at birth Current nationality*
- 7- Tôn giáo: .....8- Nghề nghiệp: .....  
*Religion Occupation*
- 9- Nơi làm việc: .....  
*Employer and business address*
- 10- Địa chỉ thường trú: .....  
*Permanent residential address*
- .....Số điện thoại/Email:.....  
*Telephone/Email*

**11- Thân nhân *Family members:***

Quan hệ (3) <i>Relationship</i>	Họ tên (chữ in hoa) <i>Full name (in capital letters)</i>	Giới tính <i>Sex</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth (Day, Month, Year)</i>	Quốc tịch <i>Nationality</i>	Địa chỉ thường trú <i>Permanent residential address</i>

- 12- Hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số: .....loại (4): .....  
*Passport or International Travel Document number Type*
- Cơ quan cấp: ..... có giá trị đến ngày:...../...../.....  
*Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)*
- 13- Ngày nhập cảnh Việt Nam gần nhất (nếu có): .....  
*Date of the previous entry into Viet Nam (if any)*
- 14- Dự kiến nhập cảnh Việt Nam ngày ...../...../.....; tạm trú ở Việt Nam .....ngày  
*Intended date of entry (Day, Month, Year) Intended length of stay in Viet Nam days*
- 15- Mục đích nhập cảnh: .....  
*Purpose of entry*
- 16- Dự kiến địa chỉ tạm trú ở Việt Nam:.....  
*Intended temporary residential address in Viet Nam*
- 17- Cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân tại Việt Nam mời, bảo lãnh  
*Hosting organisation/individual in Viet Nam*
- Cơ quan, tổ chức: .....  
*Name of hosting organisation*

Địa chỉ: .....

Address

Cá nhân (họ tên) .....

Hosting individual (full name)

Địa chỉ.....

Address

Quan hệ với bản thân .....

Relationship to the applicant

18- Trẻ em dưới 14 tuổi đi cùng hộ chiếu (nếu có):  
Accompanying child(ren) under 14 years old included  
in your passport (if any)

Ảnh - photo  
4x6 cm  
(under 14 years  
old)  
See notes  
(2)

Ảnh - photo  
4x6 cm  
(under 14 years  
old)  
See notes  
(2)

Số TT No	Họ tên (chữ in hoa) Full name (in capital letters)	Giới tính (Sex)	Ngày tháng năm sinh Date of birth

19- Đề nghị cấp thị thực:      một lần       nhiều lần   
Applying for a visa              Single              Multiple

từ ngày: ...../...../..... đến ngày...../...../.....  
valid from (Day, Month, Year) to (Day, Month, Year)

20- Đề nghị khác liên quan việc cấp thị thực (nếu có):.....  
Other requests (if any)

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct

Làm tại: ..... ngày .....tháng .....năm .....  
Done at                              date (Day, Month, Year)

**Người đề nghị** (ký, ghi rõ họ tên)  
The applicant's signature and full name

**Ghi chú/Notes:**

(1) Mỗi người khai 01 bản kèm hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, nộp trực tiếp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc đơn vị kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế nơi nhận thị thực.

Submit in person one completed application form enclosed with passport or International Travel Document at the Vietnamese Diplomatic Mission abroad or at the international border checkpoint immigration office where the visa is issued.

(2) Kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

Enclose 2 recently taken photos in 4x6 cm size, with white background, front view, bare head, without sunglasses (one on the form and the other separate).

(3) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột (nếu có).

State clearly the information about parents, spouse, children and siblings (if any).

(4) Ghi rõ loại hộ chiếu phổ thông, công vụ, ngoại giao hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

Specify type of passport whether it is Ordinary, Official or Diplomatic or specify name of the International Travel Document.